

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2018/HS-PT**

Ngày: 06-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương

Các thẩm phán: Bà Lê Hồng Hương

Bà Bùi Kim Rết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 289/2017/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 417/2017/HS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn H1 (Tên gọi khác: C), sinh năm 1973 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 1, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: khu phố 4, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn) 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị Kim T và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07 tháng 02 năm 1998, bị Công an tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính số tiền 500.000đ về hành vi “Đánh bạc” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 72 ngày 07 tháng 02 năm 1998); Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*;

- Bị hại: Ông Trương Nho T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – *Vắng mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Vũ Kim K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – *Có mặt*;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H1 quen biết đối tượng tên H2 (không rõ họ và địa chỉ). Vào ngày 09 tháng 01 năm 2017, H2 bàn bạc với H1, khi H2 đi chăn bò của gia đình, H2 sẽ lấy trộm con bò của mẹ H2 để bán cho H1 với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì H1 đồng ý. Đến khoảng 07 giờ ngày 10 tháng 01 năm 2017, H2 điện thoại cho H1 để báo cho H1 biết là H2 đã lấy trộm được bò và đang cột tại khu vực mỏ đá gần núi C thuộc khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đồng thời nói H1 đem tiền đến để mua bò. Sau đó, H1 mang theo số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), đi đến khu vực trên thì gặp H2. Tại đây, H2 chỉ vào con bò cái, lông màu vàng, có trọng lượng 270kg, của ông Trương Nho T (sinh năm 1968, ngụ tại khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), đang cột trong khu vực vườn tràm gần đó, rồi cùng với H1 đi vào dắt con bò trên đi ra phía đường quốc lộ 1K và yêu cầu H1 đưa tiền mua bò, H1 đưa trước cho H2 2.000.000đ (hai triệu đồng, sau đó H1 thuê xe ô tô tải biển số 51C-472.96 của ông Vũ Kim K (sinh năm 1966, ngụ tại địa chỉ ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) chở con bò trên đến khu vực Văn miếu T thuộc khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để tiêu thụ thì bị ông T đi tìm phát hiện, trình báo Cơ quan Công an để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm: Một con bò cái, lông màu vàng, có trọng lượng 270kg, là tài sản của ông Trương Nho T, đã thu hồi trả lại cho ông T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/TCKH-HĐĐG ngày 21/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: “Một con bò cái, trọng lượng 270kg, trị giá 14.000.000đ”.

Về dân sự: Bị hại ông Trương Nho T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản án sơ thẩm số 417/2017/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 04 (Bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án phạt tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/9/2017, bị cáo Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội Trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H1 khẳng định vẫn tiếp tục kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm. Bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi Hội đồng xét xử phân tích, giải thích toàn bộ hành vi của bị cáo, bị cáo thừa nhận có hành vi vi phạm pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được tại ngoại để bị cáo nuôi vợ và con nhỏ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và xử bị cáo mức án 04 tháng tù (dưới khung hình phạt) là có cơ sở, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được hưởng án treo là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ

thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H1 thể hiện rất rõ là bị cáo biết đối tượng tên H2 và cùng bàn bạc trộm cắp tài sản. Bị cáo H1 đồng ý mua bò và chính bị cáo trực tiếp vào vườn tràm nơi thả bò để dắt trộm bò và thuê xe chở đi tiêu thụ. Mặc dù đối tượng tên H2 không xác định được nhưng hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần xử bị cáo mức án tương xứng nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Khởi điểm khung hình phạt tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là 06 tháng tù, cấp sơ thẩm xử bị cáo 04 tháng tù là đã xem xét cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, ngoài ra cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó không có cơ sở để cho bị cáo được hưởng án treo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 417/2017/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH24 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp. Biên Hòa (2);
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Công an Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Nhà tạm giữ Biên Hòa;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Nam Phương